

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CÔNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CÔNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Trí.

2. Ông Lê Anh Nhất.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2020/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-DS ngày 14/12/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị A, sinh năm 1985.

ĐKNKTT: Xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn 2 , xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn TT, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị A, vắng mặt anh K(Anh K là người có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị A trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn K xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2019 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, trong cuộc sống anh K không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị và anh K sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Lê Văn K.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn K không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Vũ Thị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai đề ngày 10/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn K trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị A xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra chị Vũ Thị A còn có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Anh và chị Vũ Thị A sống ly thân từ tháng 9/2019 đến nay không quan tâm đến nhau. Về phía anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị A và anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị A không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

* Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bị đơn Lê Văn K, tuy nhiên anh K đã có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 để xét xử

vắng mặt anh Đức là đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung:

Chị Vũ Thị A và anh Lê Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 29/01/2019, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, do tính tình không hợp dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 9/2019 cho đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Tại bản tự khai, hai bên đương sự đều có nguyện vọng được ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Vũ Thị A được ly hôn anh Lê Văn K là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung và tài sản chung: hai bên đương sự đều cho rằng vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không đề nghị giải quyết, vì vậy không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Vũ Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị A khởi kiện xin được ly hôn anh Lê Văn K có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh K đến Tòa án để tiến hành việc hòa giải nhưng anh K đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành phiên hòa giải được. Vì vậy, vụ án giữa chị Vũ Thị A và anh Lê Văn K thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Ngày 10/12/2020 Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp làm việc với anh K, anh đã viết bản tự khai và có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị A và anh Lê Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn ngày 29/01/2019 tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng không có niềm tin vào nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm cách giải quyết mà mỗi người một nơi dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Đối với anh K đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh không đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ thể hiện anh cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị A và anh K đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị A xin được ly hôn, về phía anh K cũng đồng ý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Vũ Thị A và anh Lê Văn K không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Vũ Thị A và anh Lê Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Chị A khởi kiện vụ án xin ly nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị A được ly hôn anh Lê Văn K.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị A phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2019/0002187 ngày 21/8/2020. Chấp nhận chị Vũ Thị A đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị A, vắng mặt anh K. Chị A được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Nông Cống;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã H, huyện N;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TỌA**

Võ Kỳ Anh